TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN I** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2018/QĐST- DS	*Ia Pa, ngày 11 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C; Địa chỉ trụ sở: Số nhà 169, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D-Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện I, tỉnh Gia Lai là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 25/11/2016); Địa chỉ chi nhánh: Tỉnh lộ 662, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Bà Ksor H'N, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Kpă T, sinh năm; 1966; Địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện I, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ gốc, nợ lãi:

Tính đến ngày 03/10/2018, bà Ksor H'N và ông Kpă T còn nợ và nhận trả cho Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện I, tỉnh Gia Lai số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng với mã món vay số 6600000706897678 ngày 23/3/2016 là 20.992.711 đồng (hai mươi triệu chín trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm mười một đồng), cụ thể:

- Nợ gốc: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);
- Nợ lãi: 992.711 đồng (chín trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm mười một đồng).

2.2. Về phương thức và thời hạn thanh toán: Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ gốc và nợ lãi là 20.992.711 đồng. Như sau:

+ Đợt 1: Chậm nhất đến ngày 15/10/2018 trả 992.711 đồng tiền lãi;

+ Đợt 2: Chậm nhất đến ngày 15/3/2019 trả 20.000.000 đồng tiền gốc.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (ngày 03/10/2018) bà Ksor H'N và ông Kpă T phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng với mã món vay số 6600000706897678 ngày 23/3/2016 cho đến khi trả xong số nợ trên.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau trong trường hợp Tòa án hòa giải trước khi mở phiên tòa nên án phí dân sự sơ thẩm hoà giải là: (20.992.711 đồng x 5%) : 2 = 525.000 đồng.

- Bà Ksor H'N và ông Kpă T nhận nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Ngân hàng C khởi kiện thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- VKSND huyện I;
- Chi cục THADS huyện I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ksor H'Đuen